

Số: 617/BC-SNNPTNT

Ninh Thuận, ngày 08 tháng 9 năm 2022

BÁO CÁO

Kết quả sản xuất vụ Hè Thu, vụ Mùa năm 2022 và kế hoạch sản xuất vụ Đông Xuân 2022-2023 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận

Thực hiện Công văn số 816/TT-VPPN ngày 29/8/2022 của Cục Trồng trọt về việc báo cáo sơ kết sản xuất vụ Hè Thu, vụ Mùa năm 2022; kế hoạch sản xuất vụ Đông Xuân 2022-2023 tại các tỉnh, thành Duyên hải Nam Trung bộ và Tây Nguyên, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Ninh Thuận báo cáo tình hình sản xuất vụ Hè Thu và vụ Mùa năm 2022 tại địa phương, cụ thể các nội dung sau:

I. Tình hình sản xuất vụ Hè Thu, vụ Mùa năm 2022

1. Kết quả sản xuất vụ Hè Thu năm 2022

Tổng diện tích gieo trồng toàn tỉnh là 31.965,1 ha, vượt 5,5% kế hoạch, tăng 4,3% so với cùng kỳ. Trong đó: diện tích cho thu hoạch trong vụ là 27.980,1 ha, vượt 3% kế hoạch, tăng 4,5% so với cùng kỳ; diện tích cây sắn trồng mới trong vụ là 3.985 ha cho thu hoạch vào năm 2023. Kết quả sản xuất cây lúa, cây trồng cạn (ngô, lạc, đậu tương, sắn, mía, rau đậu các loại,...) như sau:

a) Cây lúa: Diện tích 15.735,7 ha, vượt 8,9% KH, tăng 8,1% so với cùng kỳ; năng suất đạt 61,6 tạ/ha, sản lượng ước 96.854 tấn, vượt 4,4% KH, tăng 7,1% so với cùng kỳ.

- Cơ cấu giống: Tỷ lệ sử dụng giống chất lượng cao chủ lực (ML202, TH41, ML48, TH6, OM4900, OM 5451, Đài thơm 8, OM 6976, ĐV108) chiếm 65 - 70% diện tích; các giống khác như KD18, ML214, VNĐ95-20, PY2, MT10, HT1,... chiếm khoảng 30-35% diện tích.

- Tỷ lệ (%) sử dụng giống lúa cấp xác nhận: Diện tích sử dụng giống lúa cấp xác nhận vụ Hè Thu 2022 là 11.992 ha, đạt 76,2% tổng diện tích xuống giống.

- Tỷ lệ (%) diện tích gieo sạ theo lượng giống: Đang áp dụng giảm lượng giống gieo sạ, từ trên 150 kg/ha xuống 100-150 kg/ha. Vụ Hè Thu 2022 diện tích lúa gieo sạ có lượng hạt giống từ 100-150 kg/ha là 8.497 ha (chiếm 54%); trên 150 kg/ha là 7.238,7 ha (chiếm 46%). Việc giảm lượng hạt giống gieo sạ giúp nông dân tiết kiệm được chi phí sản xuất, giảm sâu, bệnh, giảm sử dụng phân bón và thuốc bảo vệ thực vật trong quá trình canh tác từ đó tăng thu nhập trong sản xuất cây lúa.

b) Cây trồng cạn:

- Cây ngô: Diện tích 3.682,5 ha, vượt 5,8% KH, tăng 12,1% so với cùng kỳ; năng suất ước đạt 43,1 tạ/ha, sản lượng ước 15.873,1 tấn, đạt 93,8% KH, tăng 22,7% so với cùng kỳ.

- Cây rau các loại: Diện tích 2.798,7 ha, đạt 89,5% KH, giảm 4,5% so với cùng kỳ; năng suất đạt 170,8 tạ/ha, sản lượng ước 47.807,6 tấn, giảm 10,4% KH, giảm 6,6% so với cùng kỳ.

- Cây đậu các loại: Diện tích 1.442,1 ha, đạt 97,3% KH, giảm 5,9% so với cùng kỳ; năng suất đạt 7,6 tạ/ha, sản lượng ước 1.102,7 tấn, đạt 99,7% KH, giảm 4,7% so với cùng kỳ.

- Cây mía: Diện tích 1.838,5 ha, giảm 13,4% so với cùng kỳ; năng suất đạt 620,9 tạ/ha, sản lượng ước đạt 114.155,2 tấn, đạt 92,9% KH, giảm 4,5% so với cùng kỳ do diện tích thu giảm.

- Cây sắn: trồng mới trong vụ là 3.985 ha, vượt 26,5% KH, tăng 3% so với cùng kỳ, đang giai đoạn phát triển thân lá – tạo củ.

- Ngoài ra còn một số cây trồng khác 1.838,5 ha.

2. Tình hình sản xuất vụ Mùa năm 2022

Thực hiện Kế hoạch số 3832/KH-UBND ngày 05/9/2022 của UBND tỉnh về sản xuất nông nghiệp và chuyển đổi cây trồng vụ Mùa năm 2022; theo đó, tổng diện tích sản xuất vụ Mùa 2022 là 23.356,3 ha, trong đó: Diện tích lúa 12.547,5 ha, ngô 4.214,1 ha, lạc 310 ha, rau các loại 2.700,2 ha, đậu các loại 1.430,4 ha, ...

Tính đến ngày 06/9/2022, diện tích đã gieo trồng là 631 ha (đạt 2,7% KH), dự kiến trước ngày 20/10/2021 diện tích gieo trồng vụ Mùa 2022 đạt 100% kế hoạch.

(Chi tiết đính kèm phụ lục 1)

3. Kết quả chuyển đổi cơ cấu cây trồng năm 2022

Trên cơ sở Quyết định số 443/QĐ-UBND ngày 20/4/2022 của UBND tỉnh giao chỉ tiêu kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng vụ Hè Thu năm 2022, kết quả toàn tỉnh đã chuyển đổi cây trồng được 538,98 ha/530 ha, đạt 101,7% KH (*trong đó: ngô 141,9 ha, lạc 22 ha, ớt 10 ha, kiệu 5 ha, khoai lang 30 ha, dưa hấu 143,3 ha, thuốc lá 25 ha, rau đậu các loại 78,3 ha, đậu các loại 80 ha, cỏ chăn nuôi 12,2 ha, bưởi 8,5 ha, nho 5,1 ha, táo 8,2 ha, măng tây 2 ha, dưa 2,2 ha, cây ăn quả khác 9,8 ha*), vượt 1,7% kế hoạch giao.

Lũy kể cả vụ Đông Xuân 2021 – 2022 và vụ Hè thu 2022 đã thực hiện được 1.122,48 ha (*gồm: ngô 224,5 ha, lạc 50 ha, đậu các loại 80,2 ha, vừng 19 ha, ớt 12,5 ha, khoai lang 40 ha, dưa hấu 167,7 ha, kiệu 29 ha, thuốc lá 25 ha, rau các loại 262,6 ha, mía 5ha, cỏ chăn nuôi 64,6 ha, bưởi 18,2ha, nho 6,2 ha, táo 16,28 ha, măng tây 2 ha, dưa 7,9 ha, cây ăn quả khác 67,8 ha*). Kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng thực hiện trong vụ Mùa 2022 là 202,8 ha.

(Chi tiết đính kèm phụ lục 2)

4. Kết quả thực hiện sản xuất cánh đồng lớn năm 2022

Thực hiện Quyết định số 2323/QĐ-UBND ngày 16/12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận về việc giao chỉ tiêu kế hoạch triển khai mô hình sản xuất

cánh đồng lớn năm 2022 trên địa bàn tỉnh với diện tích 44.241,3 ha/31 cánh đồng lớn.

Trong vụ Hè Thu 2022, tiếp tục duy trì thực hiện được 3.687,4 ha/26 cánh đồng lớn (22 cánh đồng lúa/3.550,83 ha; 02 cánh đồng măng tây/56,65 ha; 01 cánh đồng nho/29,92 ha; 01 cánh đồng hành tím/50 ha). Trong đó: Huyện Ninh Phước thực hiện 11 cánh đồng lúa/2.156,6 ha và 02 cánh đồng măng tây xanh/56,65 ha; Ninh Sơn 03 cánh đồng lúa/250 ha; Thuận Bắc 04 cánh đồng lúa/289,06 ha; Ninh Hải 03 cánh đồng lúa/668,17 ha, 01 cánh đồng hành tím/50 ha và 01 cánh đồng nho/29,92 ha; Thuận Nam 01 cánh đồng lúa/187 ha.

Lũy kế cả vụ Đông Xuân 2021 – 2022 và vụ Hè thu 2022 đã thực hiện được 31/31 cánh đồng lớn, với diện tích 4.242,75 ha đạt 100% kế hoạch. Trong đó, triển khai mới 01 cánh đồng bắp giống 60 ha tại huyện Ninh Phước; tiếp tục duy trì và mở rộng liên kết 30 cánh đồng với diện tích 4.182,75 ha (gồm: 25 cánh đồng lúa/3.966,33 ha; 02 cánh đồng măng tây/56,5 ha; 01 cánh đồng nho/29,92 ha; 01 cánh đồng hành tím/50 ha; 01 cánh đồng bắp giống/80 ha).

Nhờ áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật mới vào các khâu trong quá trình sản xuất, từ vệ sinh đồng ruộng, làm đất, sử dụng giống, lượng giống gieo, bón phân, quản lý cỏ dại, nước, dinh dưỡng, sâu bệnh, sơ chế bảo quản nhằm tăng hiệu quả trong sản xuất.

5. Tình hình sản xuất cây lâu năm

Trong 9 tháng đầu năm 2022, tổng diện tích cây lâu năm là 12.528,9 ha, trong đó: Cây ăn quả 6.531,2 ha, đạt 97,5% so với cùng kỳ (Nho 1.124,6 ha, sản lượng 22.751,14 tấn/1.099,1 ha cho sản phẩm, tăng 0,3% so cùng kỳ; Táo 1.010,3 ha, sản lượng 30.713,1 tấn/974,4 ha cho sản phẩm, tăng 1,2% so cùng kỳ,...); Điều 4.781,2 ha, sản lượng 1.295,1 tấn/3.648,3 ha cho sản phẩm, tăng 4,2% so cùng kỳ; các loại cây lâu năm khác 1.216,5 ha.

Tình hình sản xuất một số cây ăn quả chính của tỉnh các tháng cuối năm 2022 và ước cả năm 2022 như sau: (Chi tiết đính kèm phụ lục 3)

6. Sản xuất chứng nhận, cấp mã số vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói cây ăn quả

Phối hợp các ngành, địa phương triển khai Kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển trồng trọt giai đoạn 2021 - 2025, tầm nhìn 2030. Tiếp nhận hồ sơ đề nghị cấp mã số vùng trồng, thành lập đoàn kiểm tra thực tế và báo cáo Cục Bảo vệ thực vật xem xét cấp mã số, tính đến nay đã được cấp 10 mã vùng trồng với tổng diện tích 80,6 ha (01 mã số cho Công ty Cổ phần thực phẩm Cánh Đồng Việt về sản xuất nha đam, với diện tích 9 ha; 02 mã số cho Công ty TNHH MTV THE FRUIT REPUBLIC CẦN THƠ xuất khẩu sang Anh và Nga về sản xuất Chanh không hạt, với diện tích 23,3 ha; 01 mã số cho Công ty TNHH FARA FARM về sản xuất dưa lưới, với diện tích 1,3 ha; 01 mã số cho Công ty Cổ phần giống cây trồng Nha Hồ về sản xuất măng tây, với diện tích 30 ha; 01 mã số cho Hợp tác xã nông nghiệp công nghệ cao Nam Miền Trung về sản xuất dưa lưới, với diện tích 02 ha; 03 mã số cho Công ty TNHH Seagull ADC Ninh Thuận về sản xuất dưa lưới, dưa lê và bí hạt đậu, với tổng diện tích là 10 ha; 01 mã số cho Công ty Cổ phần đầu tư xuất

nhập khẩu Indochi về sản xuất ớt phục vụ xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc với diện tích 5 ha). Đây là điều kiện cần để xuất khẩu nông sản ra thị trường thế giới. Dự kiến trong năm sẽ xuất khẩu được sản phẩm chanh tươi không hạt sang thị trường Anh và Nga. (Chi tiết đính kèm phụ lục 4)

7. Tình hình tiêu thụ nông sản

- Về giá tiêu thụ hoa màu chủ lực (*lúa, bắp, hoa màu*): Nhìn chung, giá bán một số hoa màu chủ lực trong năm 2022 tăng và tương đối ổn định hơn so với cùng kỳ; Một số mặt hàng đặc thù như hành, tỏi, măng tây, nho, táo trong 9 đầu năm 2022 giá bán tương đối cao và ổn định (giá bán hành tím khoảng 30.000 -40.000 đ/kg; giá tỏi khoảng 120.000 – 180.000đ/kg; nho đỏ khoảng 20.000 –30.000 đ/kg; nho xanh 55.000đ – 60.000đ/kg, táo từ 15.000 – 20.000 đ/kg). So với cùng kỳ năm 2021, giá cả nông sản tăng từ 30-50%, (*riêng đối với tỏi giá tăng cao 80.000đ-100.000đ/kg*), nhờ vậy giá cả và tình hình tiêu thụ các mặt hàng hành, tỏi, măng tây, nha đam, nho, táo,... hiện nay tương đối ổn định.

- Về liên kết tiêu thụ nông sản: Môi liên kết giữa nông dân và doanh nghiệp trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm đối với một số cây trồng ngày càng chặt chẽ và mở rộng hơn, đã giúp nông dân an tâm sản xuất và mang lại hiệu quả kinh tế. Trong 9 tháng đầu năm 2022 đã thực hiện được 57 liên kết theo chuỗi giá trị với quy mô 14.267 ha, sản lượng 250.165 tấn, gồm: (1) Chuỗi liên kết giá trị lúa (có 29 liên kết), với quy mô 4.319,5 ha, sản lượng 29.819 tấn; (2) chuỗi liên kết giá trị bắp giống (có 9 liên kết), với quy mô 625 ha, sản lượng 4.064 tấn; (3) chuỗi liên kết giá trị măng tây (có 4 liên kết), với quy mô 80 ha, sản lượng 605 tấn; (4) chuỗi liên kết chuỗi giá trị nho (có 4 liên kết), với quy mô 90 ha, sản lượng 1.350 tấn; (5) chuỗi liên kết giá trị nha đam (có 2 liên kết), với quy mô 53 ha, sản lượng 7.791 tấn; (6) chuỗi liên kết giá trị tỏi (có 1 liên kết) với quy mô 7 ha, sản lượng 68 tấn; (7) chuỗi liên kết sản xuất tiêu thụ ớt (có 1 liên kết) với quy mô 7 ha, sản lượng 105 tấn; (8) chuỗi liên kết sản xuất tiêu thụ hành tím (có 1 liên kết) với quy mô 30 ha, sản lượng 1.750 tấn; (9) chuỗi liên kết sản xuất tiêu thụ đậu xanh (có 1 liên kết) với quy mô 10 ha, sản lượng 14 tấn; (10) chuỗi liên kết sản xuất tiêu thụ kiệu (có 1 liên kết) với quy mô 10 ha, sản lượng 110 tấn; (11) chuỗi liên kết giá trị điều (có 1 liên kết) với quy mô 2.615 ha, sản lượng 940 tấn; (12) chuỗi liên kết sản xuất tiêu thụ mía đường (có 1 liên kết) với quy mô 2.200 ha, sản lượng 124.300 tấn; (13) chuỗi liên kết tiêu thụ sắn (có 1 liên kết) với quy mô 4.200 ha, sản lượng 79.052 tấn; (14) chuỗi liên kết tiêu thụ chanh không hạt (có 1 liên kết) với quy mô 20 ha, sản lượng 200 tấn.

Nhìn chung, tình hình sản xuất tiêu thụ nông sản trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận ổn định, đặc biệt giá cả một số nông sản đặc thù của tỉnh tăng cao hơn so với cùng kỳ.

8. Tổ chức phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao

- Tình hình đầu tư dự án nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao: Đã có 18 dự án trồng trọt với diện tích 242,6 ha (*trong đó: Măng tây 61 ha; dưa lưới 41,6 ha; chanh không hạt 26 ha; nho rượu 20 ha; hoa lan 7 ha; cây dược liệu 39 ha; bưởi*

da xanh, sầu riêng 34 ha; nho 9 ha; táo 5 ha) ứng dụng công nghệ cao đi vào hoạt động, cho sản phẩm và hiệu quả.

- Tổ chức công nhận doanh nghiệp nông nghiệp công nghệ cao: Đến nay đã công nhận 02 doanh nghiệp (*Công ty Cổ phần giống cây trồng Nha Hố và Công ty Cổ phần thực phẩm Cánh Đồng Việt*) và đang hướng dẫn các doanh nghiệp lập hồ sơ để xem xét thẩm định doanh nghiệp NNCNC.

II. Đánh giá chung

1. Những mặt đạt được

Thời tiết khá thuận lợi cho sản xuất trồng trọt, trữ lượng nước các hệ thống công trình thủy lợi, các hồ chứa cung cấp tương đối đảm bảo cho sản xuất cây hàng năm. Tình hình sản xuất, tiêu thụ nông sản tương đối ổn định, kết quả sản xuất của ngành nông nghiệp cơ bản đạt kế hoạch đề ra; dịch bệnh trên cây trồng được kiểm soát chặt chẽ, cơ bản không ảnh hưởng đến sản xuất. Được sự chỉ đạo quyết liệt của Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Nông nghiệp và PTNT và sự phối hợp của các ngành, các cấp, sự nỗ lực chung, đặc biệt công tác chỉ đạo, tổ chức điều tiết nước hợp lý phục vụ sản xuất; công tác phòng chống dịch bệnh trên cây trồng được triển khai nhanh chóng đã đảm bảo ổn định cho sản xuất, quản lý chất lượng giống, vật tư nông nghiệp được tăng cường,... đã đạt được một số kết quả như sau:

- Diện tích cây hàng năm cho thu hoạch trong vụ Hè Thu năm 2022 tăng 4,5% so với cùng kỳ. Sản lượng các loại cây trồng: Lúa 96.854 tấn, tăng 7,1% so với cùng kỳ; Ngô 12.218,1 tấn, tăng 27,9% so cùng kỳ; nho 22.751,4 tấn, tăng 0,3% so với cùng kỳ; táo 30.713,1 tấn, tăng 1,2% so với cùng kỳ; điều 1.295,1 tấn, tăng 4,17% so với cùng kỳ.

- Chuyển đổi cơ cấu cây trồng vượt 1,7% kế hoạch; sản xuất cánh đồng lớn thực hiện được 31 cánh đồng lớn với diện tích 4.242,75 ha.

- Mối liên kết giữa nông dân và doanh nghiệp trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm đối với một số cây trồng ngày càng chặt chẽ và mở rộng hơn; một số mô hình ứng dụng tiến bộ KHKT trong sản xuất có hiệu quả tiếp tục được nhân rộng.

- Đã phối hợp với các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh giám sát, hoàn chỉnh hồ sơ trình Cục Bảo vệ thực vật cấp được 10 mã số vùng trồng, từ đó giúp tạo điều kiện thuận lợi cho việc tiêu thụ các nông sản của tỉnh hướng tới xuất khẩu.

- Công tác phòng chống sinh vật gây hại trên cây trồng được tăng cường và giám sát chặt chẽ.

2. Tồn tại, hạn chế:

- Giá cả vật tư nông nghiệp (phân bón, thuốc bảo vệ thực vật...) còn cao nên đã ảnh hưởng đến đầu tư sản xuất và thu nhập của nông dân.

- Diện tích tại một số vùng sản xuất hưởng lợi từ các hồ chứa nhỏ, các trạm bơm bằng động lực mới chỉ thực hiện giải pháp luân canh thời vụ, chưa đột phá chuyển đổi thực sự sang cây trồng dài ngày, ổn định bền vững.

- Việc nhân rộng các mô hình sản xuất có hiệu quả, mô hình sản xuất theo

hướng an toàn vẫn còn khiêm tốn, công tác chỉ đạo sản xuất tuân thủ theo quy trình, hướng dẫn của ngành ở một số địa phương còn hạn chế.

- Một số địa phương công tác chỉ đạo sản xuất chưa triệt để về khung lịch thời vụ, cơ cấu giống dẫn đến khó khăn trong công tác điều tiết nước và công tác Bảo vệ thực vật. Công tác bảo quản chế biến nông sản sau thu hoạch chưa được quan tâm đầu tư.

- Tuy các doanh nghiệp đã quan tâm đầu tư vào sản xuất nông nghiệp song vẫn chưa được nhiều; mối liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm chưa thật sự chặt chẽ, bền vững.

- Việc cấp mã số vùng trồng chỉ mới thực hiện được ở các doanh nghiệp, HTX sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, diện tích còn thấp, không tập trung, chưa thực hiện được ở các vùng có diện tích sản xuất quy mô lớn trồng các loại cây như nho, táo,... Mặc khác, việc cấp, quản lý mã số vùng trồng, cơ sở đóng gói hiện chỉ triển khai đối với các mặt hàng xuất khẩu, theo yêu cầu cụ thể của nước nhập khẩu chưa chú trọng đến việc thiết lập, cấp và quản lý mã số vùng trồng cho các sản phẩm trồng trọt của địa phương đáp ứng được các yêu cầu tiêu thụ trong nước.

III. Kế hoạch sản xuất cây trồng vụ Đông Xuân 2022-2023

1. Kế hoạch sản xuất cây trồng vụ Đông Xuân 2022-2023.

Dự kiến kế hoạch sản xuất vụ Đông Xuân 2022-2023 trên địa bàn tỉnh với tổng diện tích là 27.535 ha, trong đó:

- Cây lúa: Diện tích 17.500 ha, sản lượng ước đạt 116.900 tấn;
- Ngô: Diện tích 3.200 ha, sản lượng ước đạt 19.200 tấn;
- Lạc: Diện tích 300 ha, sản lượng ước đạt 546 tấn;
- Khoai lang: Diện tích 90 ha, sản lượng ước đạt 1.333,8 tấn;
- Thuốc lá: Diện tích 105 ha, sản lượng ước đạt 246,8 tấn;
- Rau các loại: Diện tích 3.200 ha, sản lượng ước đạt 60.800 tấn;
- Đậu các loại: Diện tích 1.200 ha, sản lượng ước đạt 996 tấn;
- Sắn: Diện tích 250 ha;
- Mía: Diện tích 85 ha;
- Cây gia vị, dược liệu: Diện tích 275 ha;
- Cây hàng năm khác: Diện tích 1.330 ha.

(Chi tiết đính kèm phụ lục 5)

2. Một số giải pháp thực hiện

- Thường xuyên cập nhật diễn biến thời tiết để chỉ đạo người dân xuống giống tập trung, khuyến khích sử dụng các giống mới, ngắn ngày, có khả năng chịu hạn, kháng sâu bệnh tốt, năng suất cao, thích nghi với sự biến đổi của khí hậu.

- Thường xuyên thực hiện công tác điều tra dự tính dự báo sâu bệnh hại cây trồng. Đồng thời chủ động phối hợp với địa phương, các đơn vị liên quan trong việc kiểm tra và đề xuất các biện pháp phòng trừ đối với các loại dịch hại mới trên địa bàn.

- Khuyến cáo người dân chọn giống, chọn cây trồng phù hợp với điều kiện đất đai, tập quán canh tác, hướng dẫn quy trình thâm canh để tăng năng suất, sản phẩm đạt chất lượng và có thị trường ổn định. Đồng thời tăng cường sử dụng phân bón hữu cơ, phân hữu cơ vi sinh... đã được công nhận lưu hành để từng bước giảm lượng phân bón vô cơ, nâng cao độ phì và đảm bảo an toàn cho đất.

- Tập trung chỉ đạo các biện pháp thâm canh, tưới nước tiết kiệm, chăm sóc cây trồng. Cử cán bộ kỹ thuật bám sát các địa bàn, nắm bắt kịp thời tình hình sâu bệnh trên các loại cây trồng để hướng dẫn phòng trừ kịp thời, hiệu quả.

- Cùng cố hợp tác xã, tổ hợp tác, hỗ trợ tạo điều kiện thành lập hợp tác xã mới nhằm liên kết trong sản xuất và tiêu thụ nông sản tại những vùng sản xuất chuyên canh, tập trung lớn. Khuyến khích phát triển sản xuất theo chuỗi liên kết, đi sâu vào chế biến nâng cao giá trị và khả năng cạnh tranh các sản phẩm nông sản của tỉnh trên thị trường.

- Tiếp tục triển khai, áp dụng các mô hình sản xuất phù hợp với điều kiện hạn hán như: mô hình tưới tiết kiệm, mô hình xen canh, luân canh có hiệu quả; áp dụng sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP đối với một số cây trồng đặc thù như nho, táo, rau,...

- Kêu gọi các doanh nghiệp hợp tác liên kết sản xuất, bao tiêu sản phẩm nông sản trên địa bàn, xây dựng vùng nguyên liệu đảm bảo cung cấp ổn định cho doanh nghiệp.

IV. Đề xuất, kiến nghị

Kính đề nghị Cục Trồng trọt kiến nghị Bộ Nông nghiệp và PTNT, ngành Trung ương quan tâm, có giải pháp bình ổn giá nguyên liệu, vật tư đầu vào để phục vụ sản xuất nông nghiệp ổn định, nhằm khắc phục khó khăn cho các cơ sở, doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ sản xuất nông nghiệp của tỉnh Ninh Thuận; quan tâm hỗ trợ cho địa phương các giống sản mới kháng bệnh khảm lá để thay thế các giống sản đang bị bệnh nặng, phục vụ sản xuất đại trà.

Trên đây là báo cáo kết quả sản xuất vụ Hè Thu, vụ Mùa năm 2022 và kế hoạch sản xuất vụ Đông Xuân 2022-2023 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Ninh Thuận báo cáo Cục Trồng trọt biết để chỉ đạo./.

Nơi nhận:

- Cục Trồng trọt (báo cáo);
- GD, PGD sở Trương Khắc Trí;
- Chi cục Trồng trọt và BVTV;
- Trung tâm Khuyến nông;
- Phòng QLCN Sở;
- Lưu: VT.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Trương Khắc Trí

Phụ lục 1:**1. Kết quả sản xuất cây trồng vụ He Thu, vụ Mùa và cả năm 2022**

STT	Cây trồng	Thực hiện năm 2021			Ước thực hiện năm 2022		
		Diện tích (ha)	Năng suất (tạ/ha)	Sản lượng (tấn)	Diện tích (ha)	Năng suất (tạ/ha)	Sản lượng (tấn)
1	Lúa						
	Hè Thu	14.550,6	62,8	91.423	15.735,7	61,6	96.85
	Mùa	12.181,0	54,6	66.545,1	12.547,5	55,9	70.120,
	Cả năm	44.120,3	62,4	275.484,1	46.158,8	61,3	285.441,
2	Ngô						
	Hè Thu	3.284,3	40,2	13.21	3.682,50	43,1	15.873,
	Mùa	5.407,5	42,1	22.772,3	4.214,1	47,6	20.511,
	Cả năm	11.426,1	45,4	51.863,2	10.661,9	50,1	52.860,
3	Lạc						
	Hè Thu	264	11,4	299,8	314,6	10,7	336,
	Mùa	241,4	12,4	299,3	310	11,1	342,
	Cả năm	773,8	14,2	1.096,8	916,6	13,2	1198,
4	Vừng						
	Hè Thu	114,5	3,4	38,5	164,1	3,7	61,
	Mùa	43,2	5,4	23,4	83	4,5	37,
	Cả năm	157,7	3,9	61,9	247,1	4,1	98,
5	Rau các loại						
	Hè Thu	2.931,4	174,9	51.271,2	2.798,7	170,8	47.807,
	Mùa	2.688,3	167,8	45.118,2	2.700,2	147,4	43.568,
	Cả năm	8.965,6	180,0	161.400,8	8.600,7	169,7	150.599,
6	Đậu các loại						
	Hè Thu	1.532	7,6	1.161,6	1.442,1	7,6	1.102,
	Mùa	1.217,0	8	973,9	1.430,4	7,0	1043,
	Cả năm	3.450,6	7,8	2.705,7	3.530,4	7,6	2.678,
7	Sắn						
	Hè Thu	3.868,5	-	-	3.985,0	-	-
	Mùa	123,6	-	-	198,5	-	-
	Cả năm	4.271,4	178,1	76.084,3	4.233,2	188,9	79.95
8	Mía						
	Hè Thu	2.123,1	562,9	119.510,9	1.838,5	620,9	114.155,
	Mùa	9,1	-	-	-	-	-
	Cả năm	2.123,1	562,9	119.510,9	1.838,5	620,9	114.155,
9	Khoai lang						
	Hè Thu	90,3	142,9	1.290	68,6	147,3	1.010,
	Mùa	63,4	128,2	812,3	70,8	129,3	957,
	Cả năm	215,2	145,3	3.127,1	229,2	141,4	3.292,
10	Cây trồng khác						
	Hè Thu	1.978,1	-	-	1.935,3	-	-
	Mùa	2.039,6	-	-	2.000,3	-	-

	Cả năm	5847,3	-	-	5922,7	-
--	--------	--------	---	---	--------	---

2. Khối lượng hạt giống lúa gieo sạ vụ Hè Thu, Mùa 2022 và cả năm 2022

Mùa vụ	Diện tích gieo sạ (ha)			Tỷ lệ giống lúa gieo sạ (%)		
	< 100 kg/ha	100-150 kg/ha	> 150 kg/ha	< 100 kg/ha	100 - 150 kg/ha	> 150 kg/ha
Vụ Hè Thu 2022	-	8.497	7.238,7	-	54	46
Vụ Mùa 2022	-	6.400	6147,5	-	51	49
Cả năm 2022	-	26.425	19.733,8	-	57,2	42,8

Phụ lục 2: Kết quả chuyển đổi cây trồng năm 2022

TT	Cây trồng	Diện tích chuyển đổi vụ Đông Xuân 2021-2022 (ha)	Diện tích chuyển đổi vụ Hè Thu 2022 (ha)	Kế hoạch diện tích chuyển đổi vụ Mùa 2022 (ha)
1	Ngô	141,9	82,6	
2	Lạc	22	28	
3	Dưa	143,3	24,4	
4	Ốt	10	2,5	
5	Kiêu	5	24	
6	Rau đậu các loại	78,3	184,3	
7	Thuốc lá	25		
8	Khoai lang	30	10	
9	Đậu các loại	80	0,2	
10	Mè	-	19	
11	Mía	-	5	
12	Cò chăn nuôi	12,2	52,4	
13	Bưởi	8,5	9,7	
14	Táo	8,2	8,08	
15	Nho	5,1	1,1	
16	Chuối	-	15	
17	Cây ăn quả khác (mít, măng cầu, bơ, sầu riêng, xoài,...)	9,8	58	
18	Dừa	2,2	5,7	
19	Măng tây	2	-	
20	Điều	-	9	
	Tổng	583,5	538,98	202,8

Phụ lục 3:
Tình hình sản xuất một số cây ăn quả chính các tháng cuối năm 2022 và ước thực hiện năm 2022

TT	Cây trồng	Ước sản lượng các tháng năm 2022 (tấn)			Ước năm 2022		
		Tháng 10	Tháng 11	Tháng 12	DT cho sản phẩm (ha)	NS (tạ/ha)	SL (tấn)
1	Nho	800	1.200	1.634	1.118	236	26.385
2	Táo	700	2.800	3.500	975	387	37.732
3	Chuối	1.000	1.900	1.635	1.270	145	18.415
4	Thanh Long	4	7	10	30,7	48,8	150
5	Xoài	-	-	-	419,6	125,2	5.253,4
6	Nhãn	-	-	-	12	63,9	77,3
7	Sầu riêng	-	-	-	68	97	659,6
8	Bưởi	150	45	-	225	70	1.575
9	Bơ	-	-	-	6,9	113	78
10	Chanh	40	50	40	65	112	728
11	Mít	-	-	-	414,6	150	6.219
12	Cam	-	-	-	42,3	130	550
13	Dứa	-	-	-	35,5	133	472
14	Hồng xiêm	-	-	-	11	57,5	63
15	Na	-	-	-	353,4	71	2.509
16	Quýt	-	-	-	1,4	47,3	66

Phụ lục 4:
Sản xuất chứng nhận, cấp mã số vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói cây ăn quả

T T	Cây trồng	Cấp mã số vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói năm 2022			Diện tích sản xuất chứng nhận (ha)		
		Số mã số vùng trồng	Tổng diện tích cấp mã số vùng trồng (ha)	Mã số cơ sở đóng gói	VietGAP	Global GAP	...
1	Nha đam	EX-NTOR-0001NHADAM	9				
2	Chanh không hạt	- LA.32.01.01.001.ENG - LA.32.01.01.001.RUSS	23,3				
3	Dứa lưới	EX-NTOR-0002DUA	1,3				
4	Mãng tây	EX-NTOR-0003MANGTAY	30		30		
5	Dứa lưới	EX-NTOR-0004DUA	2		2		
6	Dứa lưới	EX-NTOR-0005DUA	3,6				
7	Dứa lê	EX-NTOR-0006DUA	2,8				
8	Bí hạt đậu	EX-NTOR-0007BI	3,6				
9	Ớt	VN-NTOR-0009	5				
	Tổng cộng	10	80,6		32		

Phụ lục 5:
Kế hoạch sản xuất cây trồng vụ Đông Xuân 2022 - 2023

STT	Cây trồng	Thực hiện Đông Xuân 2021-2022			Ước thực hiện Đông Xuân 2022-2023		
		Diện tích (ha)	Năng suất (tạ/ha)	Sản lượng (tấn)	Diện tích (ha)	Năng suất (tạ/ha)	Sản lượng (tấn)
1	Lúa	17.875,6	66,27	118.466,8	17.500	66,8	116.900
2	Ngô	2.765,3	59,6	16.476,6	3.200	60,0	19.200
3	Lạc	292	17,8	519,4	300	18,2	546
4	Khoai lang	89,8	147,6	1.325,2	90	148,2	1333,8
5	Thuốc lá	104,7	23,4	244,7	105,0	23,5	246,8
6	Rau các loại	3.101,8	190,9	59.222,6	3.200	190,0	60.800
7	Đậu các loại	657,9	8,1	532,2	1.200	8,3	996
8	Sắn	307,6	-	-	250	-	-
9	Mía	80,9	-	-	85	-	-
10	Cây gia vị, dược liệu	273,9	-	-	275	-	-
11	Cây hàng năm khác	1.567,3	-	-	1.330	-	-
	Tổng cộng	27.116,8			27.535		

